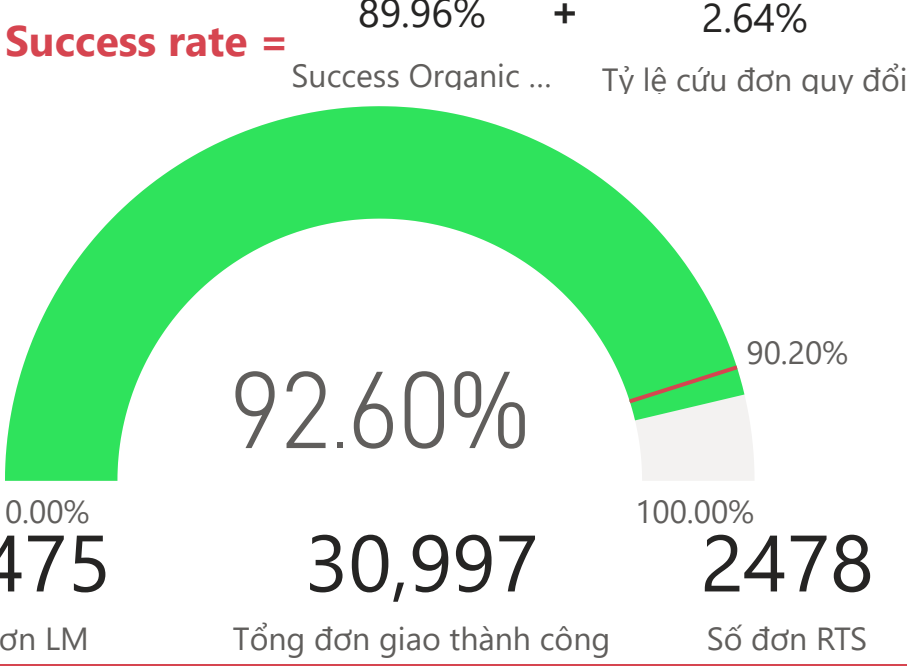


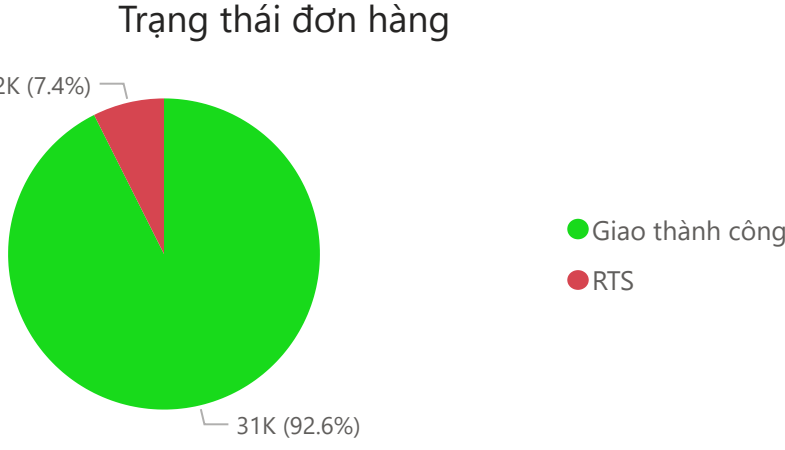
North
TikTok
success
rate

KPI View



Completed Orders
Completed Orders + RTS Trigger Orders

7.40%
RTS Rate



Logic: Success rate (KPI) = Completed Orders / (Completed Orders + Trigger RTS Orders) by Success date

Note: KPI đã loại trừ hết các đơn Pending ra khỏi công thức!

Vùng

All

Tỉnh

All

dest_hub_name

All

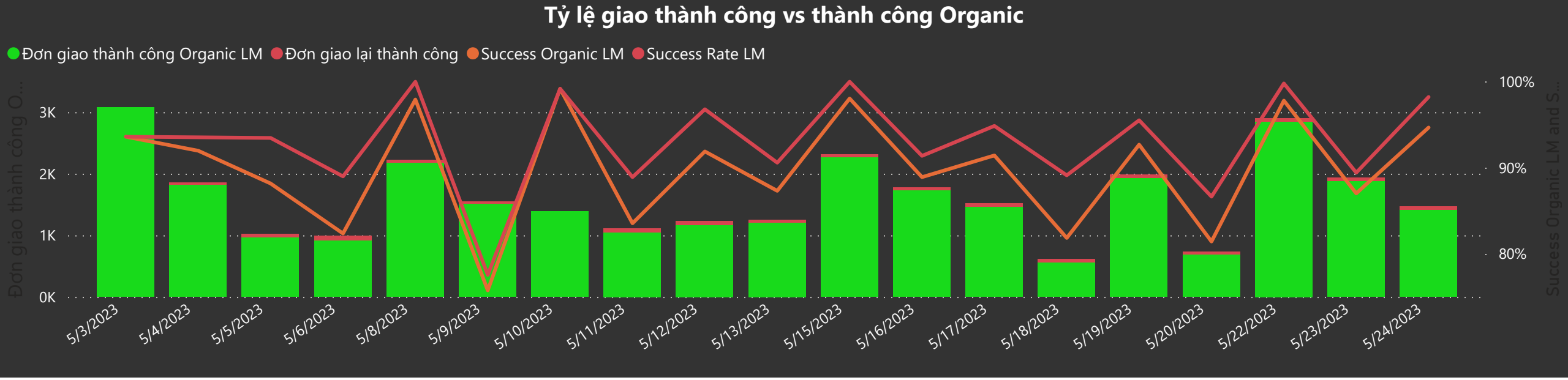
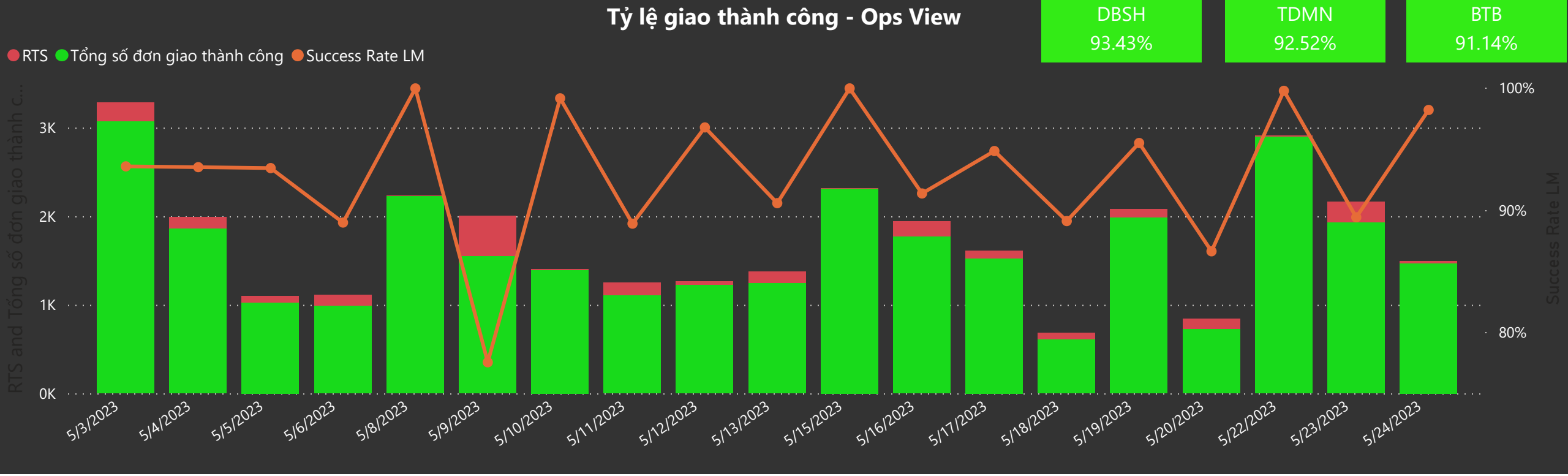
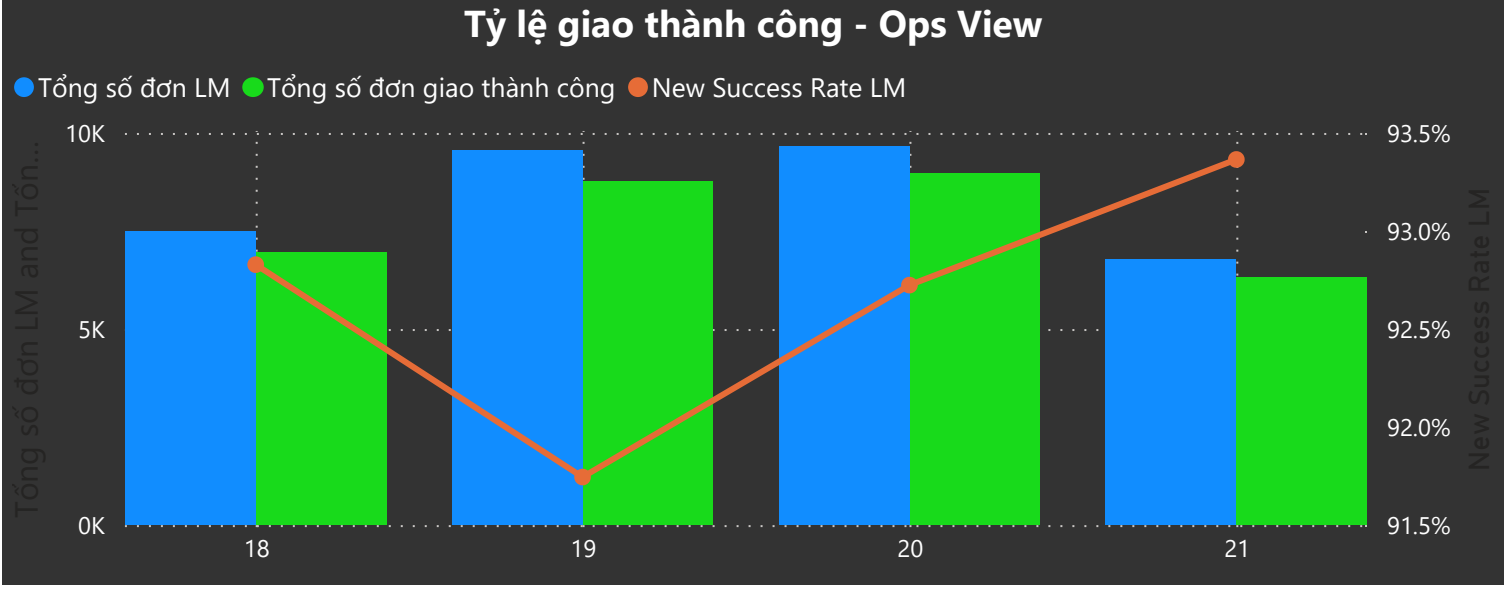
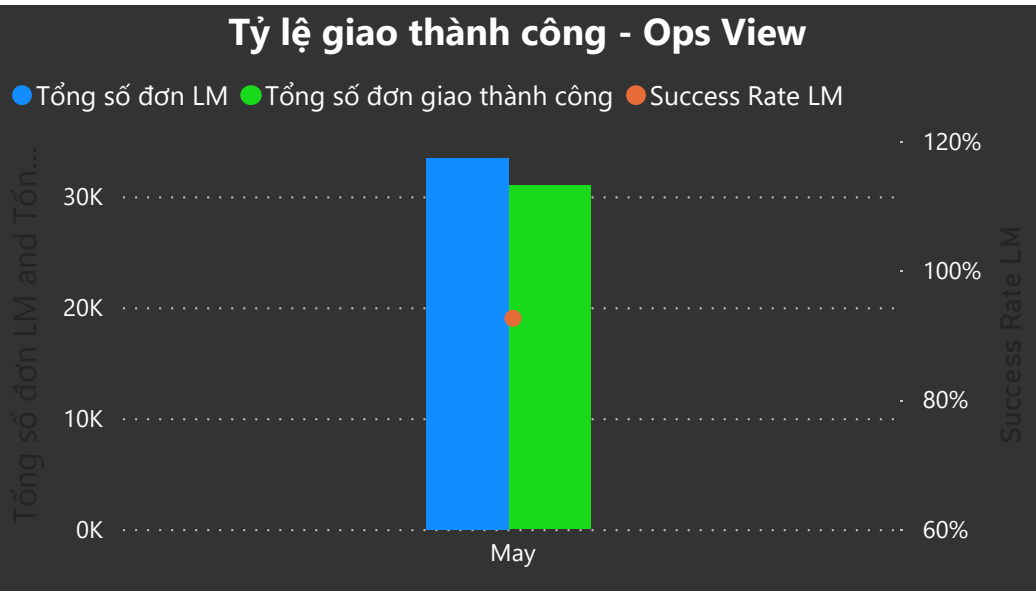
New Weeknum - LM ...

All

Date

5/1/2023

5/24/2023

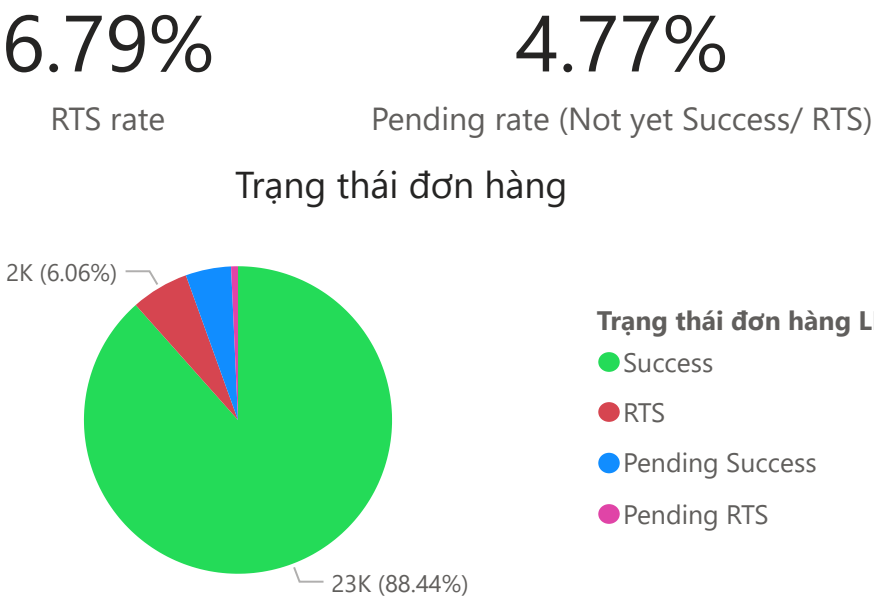
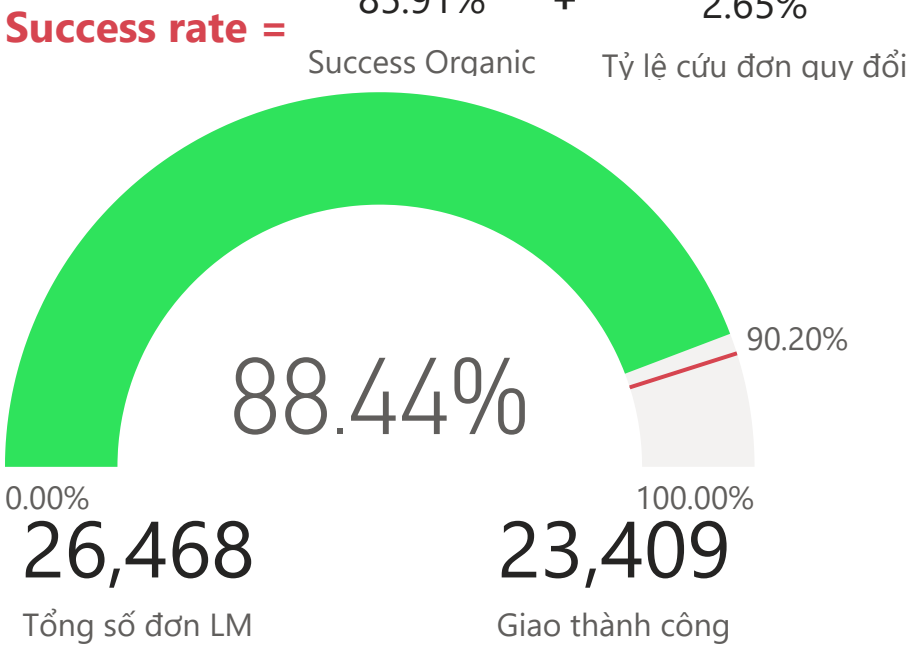


Date	5/3/2023			5/4/2023			5/5/2023			
Vùng	Tổng số đơn LM	Success Organic LM	Success Rate LM	Tổng số đơn LM	Success Organic LM	Success Rate LM	Tổng số đơn LM	Success Organic LM	Success Rate LM	Tổng số đơn LM
BTB	633	89.89%	89.89%	631	91.60%	93.50%	341	90.32%	92.96%	232
HAT	75	92.00%	92.00%	79	89.87%	91.14%	30	83.33%	86.67%	19
NGA	194	91.75%	91.75%	168	95.24%	95.24%	89	85.39%	87.64%	47
QUB	40	85.00%	85.00%	80	83.75%	86.25%	32	100.00%	100.00%	28
QUT	39	87.18%	87.18%	70	95.71%	97.14%	42	92.86%	95.24%	21
THH	223	88.79%	88.79%	112	83.93%	89.29%	94	96.81%	98.94%	92
TTH	62	90.32%	90.32%	122	97.54%	99.18%	54	83.33%	88.89%	25
DBSH	1,811	94.75%	94.75%	739	92.83%	93.91%	382	86.65%	94.50%	539
TDMN	841	93.82%	93.82%	618	91.26%	93.04%	374	87.70%	92.78%	345
BAG	165	95.76%	95.76%	80	86.25%	88.75%	66	92.42%	93.94%	59
PAV	22	100.00%	100.00%	13	100.00%	100.00%	7	100.00%	100.00%	7
Total	3,285	93.58%	93.58%	1,988	91.95%	93.51%	1,097	88.15%	93.44%	1,116

Date	5/2/2023		5/3/2023		5/4/2023		5/5/2023		5/6/2023		
Vùng	Tổng số đơn giao thành công	RTS	Tổng số đơn giao thành công	RTS	Tổng số đơn giao thành công	RTS	Tổng số đơn giao thành công	RTS	Tổng số đơn giao thành công	RTS	Tổng số đơn giao thành công
BTB			569	64	590	41	317	24	203	29	
DBSH			1,716	95	694	45	361	21	488	51	
TDMN	0	2	789	52	575	43	347	27	302	43	
Total	0	2	3,074	211	1,859	129	1,025	72	993	123	

North
TikTok
success
rate

Ops View



Vùng

All

Tỉnh

All

dest_hub_name

All

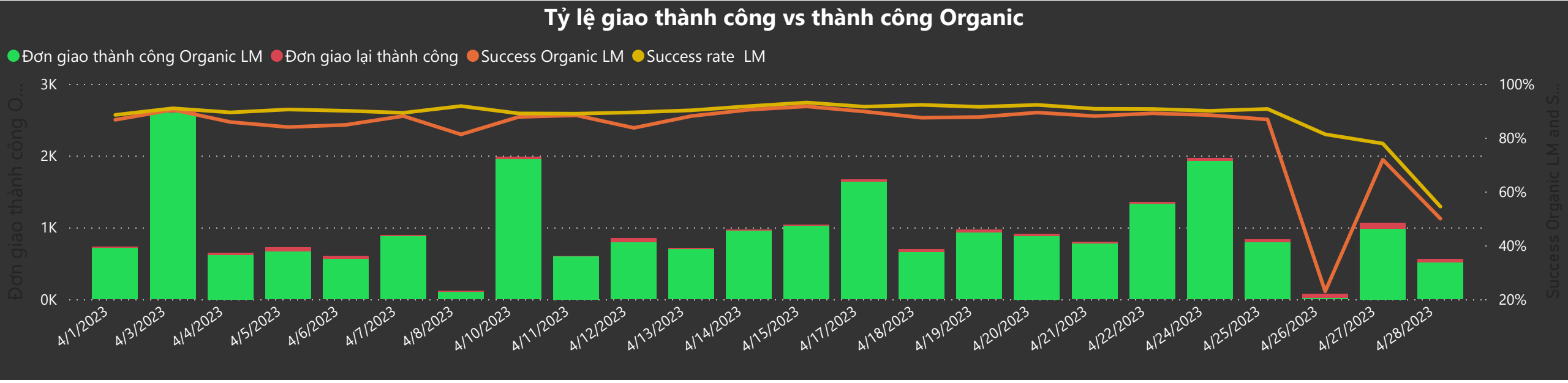
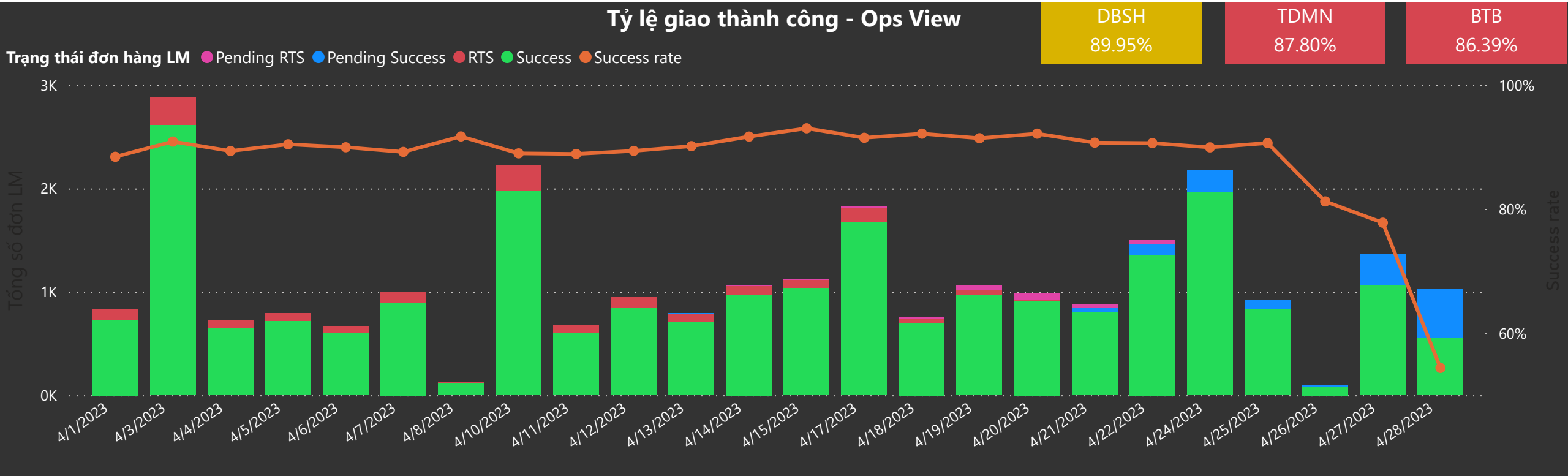
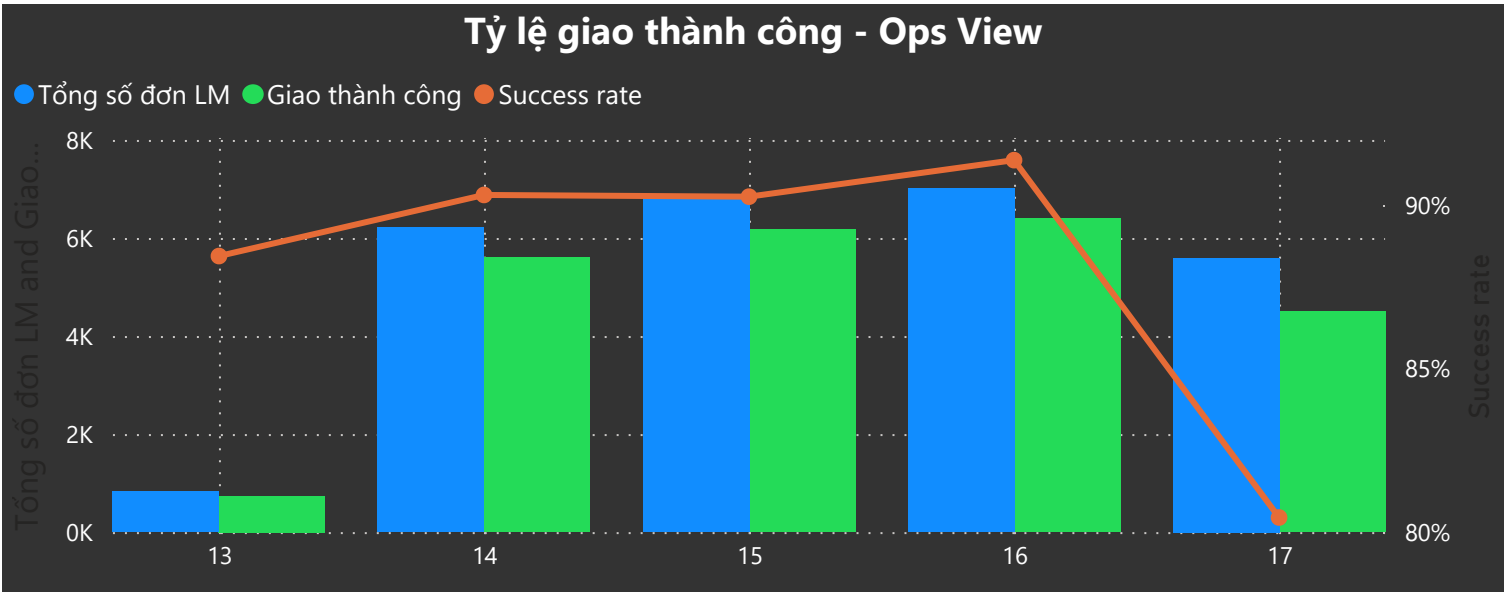
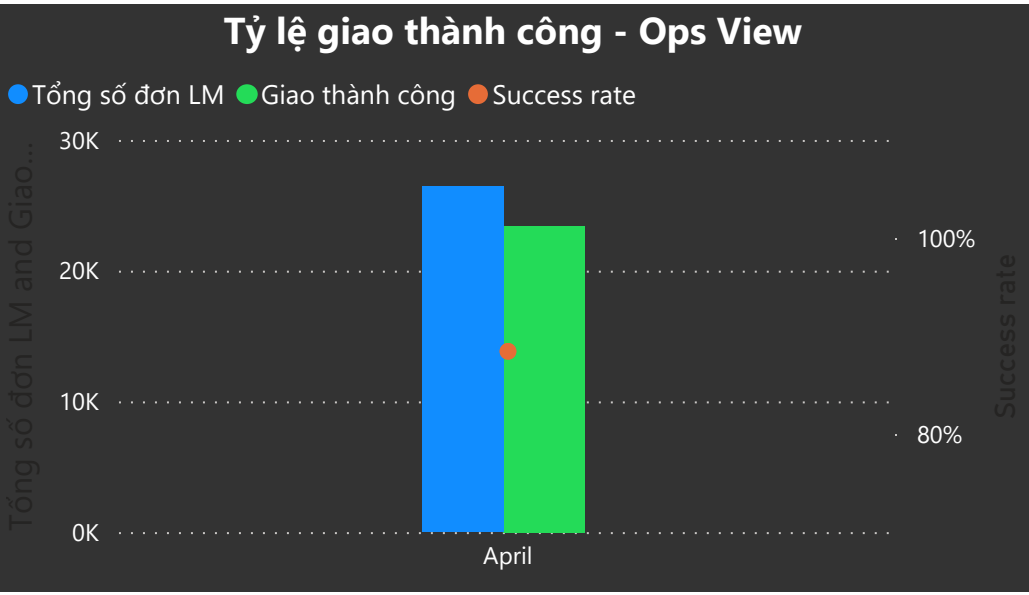
Weeknum - LM Ops ...

All

Date

4/1/2023

4/28/2023



Date	4/1/2023			4/3/2023			4/4/2023			4/5/2023			
Vùng	Tổng số đơn	Success Organic	Success rate	Tổng số đơn	Success Organic	Success rate	Tổng số đơn	Success Organic	Success rate	Tổng số đơn	Success Organic	Success rate	Tổng số đơn
BTB	208	78.85%	82.21%	577	88.21%	88.73%	295	84.07%	87.46%	193	84.46%	87.56%	14
DBSH	390	92.31%	92.31%	1,455	91.62%	92.30%	255	87.06%	91.37%	361	84.49%	91.41%	33
TDMN	233	84.12%	87.55%	848	89.74%	89.98%	175	86.86%	89.71%	243	82.72%	91.36%	18
Total	831	86.64%	88.45%	2,880	90.38%	90.90%	725	85.79%	89.38%	797	83.94%	90.46%	66

Date	4/1/2023				4/3/2023				4/4/2023				4/5/2023			
Vùng	Success	RTS	Pending Success	Pending RTS	Success	RTS	Pending Success	Pending RTS	Success	RTS	Pending Success	Pending RTS	Success	RTS	Pending Success	Pending RTS
BTB	171	37			512	65			258	37			169	24		
DBSH	360	30			1,343	112			233	22			330	31		
TDMN	204	29			763	85			157	18			222	21		
Total	735	96			2,618	262			648	77			721	76		

